

Bản án số: 45/2019/HS-ST

Ngày: 15-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy Năng**

Thẩm phán:

Ông **Nguyễn Tấn Anh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Phi Hùng**

Ông **Nguyễn Viết Dũng**

Bà **Lê Thị Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Như Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2019, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số: 36/TB-TA ngày 16/7/2019 đối với bị cáo:

Trần Thị Như H, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1981 tại Quảng Nam; Nơi ĐKKHKT: Tổ A, phường K, quận T, thành phố Đà Nẵng; Nơi ở: Không ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Xuân A (sinh năm 1943) và bà Phạm Thị M (sinh năm 1948); Có chồng là Phan Thanh B và 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 08/01/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà **Trương Thị Bích Th** - Luật sư văn phòng Luật sư Đ - Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo theo luật định.

* *Bị hại:* Ông **Huỳnh Bá Ng**, sinh năm: 1959 và bà **Nguyễn Thị H** - sinh năm: 1962; Nơi cư trú: khối phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh **Võ Văn Đ**, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Thôn V, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Anh **Võ Nguyễn Đức Ph**, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Số Q, đường R, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Ông **Trần E**, sinh năm: 1972 và bà **Lê Thị M**, sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Tổ C, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2018, vợ chồng ông Huỳnh Bá Ng - Nguyễn Thị H có nhu cầu mua đất để xây nhà ở cho vợ chồng con rể là anh Võ Nguyễn Đức Ph và giao cho anh Ph đi tìm mua đất. Phước có gặp Võ Văn Đ (là bạn học đại học anh Ph) nhờ Đ tìm người bán đất. Sau đó Đ gặp bà Trần Thị Như H hỏi mua đất thì bà H đưa Đ đi xem lô đất số B1-42 khu đô thị Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và nói với Đ đây là lô đất của mình. Sau khi xem xong, Đ đưa Ph đi xem đất và giới thiệu Ph gặp bà H, thỏa thuận bà H bán lô đất số B1-42 khu đô thị Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam của bà H cho vợ chồng anh Ph với giá là 860.000.000đồng, Ph đặt cọc trước cho bà H số tiền 20.000.000đồng (tại quán cà phê S, đường N, Đà Nẵng), hai bên không lập giấy nhận cọc, có Đ chứng kiến. Do Ph bận đi công tác ở nước ngoài nên nói với vợ chồng ông Huỳnh Bá Ng - Nguyễn Thị H gặp Trần Thị Như H để tiếp tục việc mua bán lô đất số B1-42 thuộc khu đô thị Đ nói trên. Sau đó vợ chồng ông Huỳnh Bá Ng tiếp tục giao tiền cho Trần Thị Như H để mua lô đất trên, cụ thể như sau:

Ngày 26/02/2018: tại nhà ông Th (bạn của bà H) tại số A, đường A, quận S, Đà Nẵng, vợ chồng ông Huỳnh Bá Ng giao cho H số tiền 66.000.000đồng, Võ Văn Đ lập giấy nhận cọc về việc chuyển nhượng nhà và đất, nội dung vợ chồng ông Ng đặt cọc số tiền 86.000.000đồng (cộng 20.000.000 đồng mà Ph giao cho bà H trước đó) để mua lô đất B1-42 khu đô thị Đ, với giá là 860.000.000đồng. Bà H và vợ chồng ông Ng ký xác nhận, Đ ký làm chứng và bà H hẹn ngày 05/03/2018 tiếp tục giao dịch. Quá trình giao dịch này bà H có ghi giấy tờ chứng minh lô đất gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng minh nhân dân và hộ khẩu nhưng bà H không đưa các giấy tờ này cho vợ chồng ông Ng và Đ xem.

Ngày 09/3/2018, tại nhà vợ chồng ông Ng, bà H tiếp tục nhận của ông Ng số tiền 274.000.000 đồng để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất trên. Bà H viết nội dung nhận tiền vào phía dưới mặt trước của giấy nhận tiền cọc ngày 26/02/2018 và hẹn số tiền còn lại nhận khi giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Ng, có Đ ký làm chứng.

Ngày 27/3/2018, tại nhà vợ chồng ông Ng, bà H giao cho vợ chồng ông Ng một phiếu tiếp nhận trả lời kết quả đăng ký, cấp giấy chứng nhận số 18/Liên 2 của UBND quận N, thành phố Đà Nẵng thể hiện đã nhận hồ sơ thủ tục giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Ng và hẹn 30 ngày trả kết quả giấy chứng nhận số seri CK 033613, thửa đất số 14, tờ bản đồ số 196, chữ ký ông Nguyễn Văn Q (người nhận kết quả). Do tin tưởng bà H đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận cho mình đối với lô đất trên nên vợ chồng ông Ng đưa bà H và Đức đến Ngân hàng Đ, chi nhánh Quảng Nam, đường P, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Tại đây vợ chồng ông Ng giao hết cho bà H số tiền còn lại là 500.000.000 đồng, bà H ghi xác nhận nội dung đã nhận tiền của vợ chồng ông Ng vào phía dưới mặt sau của giấy chứng nhận tiền cọc ngày 26/02/2018, có Đ ký làm chứng bà H hẹn ngày 27/4/2018, vợ chồng ông Ng đến UBND N nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất trên. Sau đó bà H nhiều lần hẹn giao cho vợ chồng ông Ng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất trên nhưng đến nay vẫn không có.

Trần Thị Như H khai nhận: H không sở hữu lô đất số B1-42 khu đô thị Đ, tỉnh Quảng Nam; đối với phiếu tiếp nhận (mà bị cáo giao cho vợ chồng ông Ng) là do H làm giả bằng cách đến tiệm photocopy (hiện H không rõ ở đâu) lấy mẫu từ mạng, đánh máy nội dung, sau đó in ra và ký giả chữ ký của ông Nguyễn Văn Q và phiếu tiếp nhận này giao cho vợ chồng ông Ng.

Đối với Võ Văn Đ khai do tin tưởng H đưa đi xem đất và giới thiệu lô đất này của H, nên giới thiệu cho vợ chồng ông Ng mua, sau khi nhận hết tiền từ vợ chồng ông Ng, H đưa cho Đ số tiền 8.600.000 đồng (là tiền môi giới Đ hưởng), số tiền này Đ đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Bị cáo khai đưa cho Đ số tiền 20.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ gì thể hiện việc này.

Xác minh tại Văn phòng UBND quận N xác định: UBND quận N không sử dụng mẫu Phiếu tiếp nhận mà H giao cho vợ chồng ông Ng. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ thuộc UBND quận N không có cán bộ nào tên Nguyễn Văn Q. Xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai quận N xác định không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các lô đất thuộc khu đô thị Đ, tỉnh Quảng Nam.

Xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đ xác định lô đất B1-42 khu đô thị Đ là lô đất B1-42 thuộc khu dân cư số 1B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam xác định ngày 19/11/2010 Công ty cổ phần xây dựng công trình A chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Lê Anh X, sinh năm 1975, trú tại tổ B, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, đến ngày 01/12/2017 bà Lê Anh X chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Trần E - bà Lê Thị M, trú tại phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Ngày 25/3/2018 vợ chồng ông Trần E - bà Lê Thị M chuyển nhượng cho ông Võ Hùng A, sinh năm 1989, trú tại P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Làm việc với bà Lê Thị M xác định sở hữu lô đất này từ ngày 01/12/2017, đến ngày 23/5/2018 chuyển nhượng lại cho ông Võ Hùng A. Vợ chồng ông Trần E không quen biết Trần Thị Như H và không nhờ Trần Thị Như H bán lô đất này.

Ngày 03/12/2018 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Đà Nẵng giám định chữ viết và chữ ký của Trần Thị Như H trên chứng từ là hợp đồng đặt cọc ngày 26/02/2018 thể hiện: H đã nhiều đợt nhận tiền của ông Huỳnh Bá Ng với tổng số tiền 860.000.000 đồng. Ngày 14/12/2018 Phòng PC54 Công an thành phố Đà Nẵng ra Kết luận giám định số 182/GĐ-TL, kết luận: chữ ký và chữ viết trên tài liệu cần giám định với chữ ký và chữ viết của Trần Thị Như H là do cùng một người viết và ký ra.

*** Về thu giữ vật chứng:**

- Số tiền 48.600.000 đồng (Trong đó bị cáo H khắc phục số tiền 40.000.000 đồng và Đ giao nộp số tiền được hưởng thông qua việc môi giới là 8.600.000 đồng). Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng đã nộp lại Kho bạc nhà nước thành phố Đà Nẵng.

- 01 phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký, cấp giấy chứng nhận số 18/Liên 2 của UBND quận N.

- 01 Giấy nhận tiền cọc về việc chuyển nhượng nhà và đất giữa vợ chồng ông Huỳnh Bá Ng - bà Nguyễn Thị H với Trần Thị Như H được lập ngày 26/02/2018.

- 01 điện thoại di động Samsung, màu đen, hiệu CEO168, IMEL: 354359/08/310154/5 của Trần Thị Như H, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng đã nhập kho vật chứng Công an thành phố Đà Nẵng.

Tại Bản cáo trạng số 25/CT-VKS-P3 ngày 21/05/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố Trần Thị Như H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Thị Như H từ 07 (bảy) đến 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải tiếp tục hoàn trả cho vợ chồng ông Ng - bà H số tiền đã chiếm đoạt. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Võ Văn Đ về việc hoàn trả cho vợ chồng ông Ng-bà H mà anh được hưởng từ việc môi giới cho H mua đất là 22.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- Tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án số tiền 48.600.000 đồng và 01 điện thoại di động Sam sung màu đen, hiệu CEO 168, Imel: 354359/08/310154/5.

- Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án: 01 phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký, cấp giấy chứng nhận số 18/Liên 2 của UBND quận N và 01 giấy nhận cọc về việc

chuyển nhượng nhà và đất giữa vợ chồng ông Huỳnh Bá Ng, bà Nguyễn Thị H với bà Trần Thị Như H được lập ngày 26/02/2018.

Bị cáo Trần Thị Như H đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh và điều luật mà Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo cũng đã khắc phục 1 phần hậu quả, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo mức án khởi điểm như đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:*

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án, cũng như tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX đủ cơ sở kết luận: Đầu năm 2018, mặc dù không sở hữu lô đất số đất B1-42 khu Đ, tỉnh Quảng Nam nhưng bị cáo đã có hành vi gian dối lừa bán lô đất trên cho vợ chồng ông Huỳnh Bá Ng - bà Nguyễn Thị H nhằm chiếm đoạt số tiền 860.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Thị Như H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS như bản Cáo trạng số 25/2019/VKS-CT ngày 21/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] *Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:*

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, đối với bị cáo cần xử phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả, thiệt hại cho mình gây ra với số tiền là 40.000.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo. HĐXX thống nhất với quan điểm của VKS áp dụng Điều 54 BLHS khi quyết định hình phạt. Tuy nhiên mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị chưa đủ sức giáo dục và phòng ngừa, nên HĐXX sẽ áp dụng mức hình phạt cao hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Tại phiên tòa người bị hại yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền là 860.000.000 đồng đã chiếm đoạt. Bị cáo H đồng ý hoàn trả lại cho bị hại 860.000.000 đồng. Xét yêu cầu của người bị hại có căn cứ và phù hợp với Điều 584, 585 và 586 BLDS nên chấp nhận, buộc bị cáo H phải hoàn trả lại số tiền cho bị hại 860.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã nộp 40.000.000 đồng bồi thường thiệt hại, anh Võ Văn Đ nộp 8.600.000 đồng do hưởng tiền hoa hồng từ việc giới thiệu cho bị cáo H lừa đảo bán đất mà có, để hoàn trả lại cho người bị hại. Nên bị cáo phải tiếp tục nộp số tiền 811.400.000 đồng để hoàn trả cho người bị hại.

Tại phiên tòa anh Đ tự nguyện sẽ tiếp tục nộp thêm 13.400.000 đồng do hưởng tiền hoa hồng từ việc giới thiệu cho bị cáo H lừa đảo bán đất mà có, để hoàn trả lại cho người bị hại. Xét sự tự nguyện của anh Đ là không trái pháp luật, nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này.

[6] *Về xử lý vật chứng:*

Đối với 01 Điện thoại di động Samsung, màu đen, hiệu CEO 168, IMEL 354359/08/310154/5 của bị cáo, không liên quan đến vụ án, cần tuyên trả cho bị cáo, tuy nhiên cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án. Hiện do Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/5/2019.

Đối với số tiền 40.000.000đ của bị cáo nộp để khắc phục hậu quả, cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 8.600.000đ do anh Võ Văn Đ giao nộp để trả lại cho bị hại, nên cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

Toàn bộ số tiền 48.600.000 đồng trên hiện Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo Quyết định số 247/QĐ - STC ngày 31/5/2019 của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng về việc xử lý số tiền tạm giữ theo đề nghị của Công an thành phố Đà Nẵng.

Đối với 01 phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký, cấp giấy chứng nhận số 18/Liên 2 của UBND quận N và 01 giấy nhận tiền cọc về việc chuyển nhượng nhà và đất giữa vợ chồng ông Huỳnh Bá Ng, bà Nguyễn Thị H với bà Trần Thị Như H

được lập ngày 26/02/2018, là chứng cứ của vụ án nên cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Đối với anh Võ Văn Đ là người môi giới bất động sản, không biết việc bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng không đề cập xử lý, nên HĐXX không đề cập đến.

[7] Về án phí HSST: Bị cáo Trần Thị Như H phải chịu 200.000 đồng

[8] Về án phí DSST: Bị cáo Trần Thị Như H phải bồi thường cho bị hại số tiền 860.000.000 đồng. Bị cáo nộp 40.000.000 đồng và anh Võ Văn Đ nộp 8.600.000 đồng trước khi mở phiên tòa, để hoàn trả lại cho người bị hại.

Vì vậy, bị cáo phải chịu án phí DSST đối với số tiền còn phải tiếp tục hoàn trả cho bị hại là $811.400.000 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 11.400.000 \text{ đồng}) = 36.342.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Thị Như H** phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Trần Thị Như H 09 (chín) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và 586 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Thị Như H phải hoàn trả lại cho vợ chồng ông Huỳnh Bá Ng - bà Nguyễn Thị H số tiền 860.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Võ Văn Đ về việc nộp thêm 13.400.000 đồng để hoàn trả lại cho ông Huỳnh Bá Ng - bà Nguyễn Thị H.

3. Về xử lý vật chứng: Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tuyên:

3.1/ Tiếp tục quy trữ : 01 Điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, hiệu CEO 168, IMEL 354359/08/310154/5 của bị cáo để đảm bảo thi hành án. Hiện do Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/5/2019.

3.2/ Tiếp tục quy trữ số tiền 40.000.000 đồng do bị cáo nộp và 6.800.000 đồng do Võ Văn Đ nộp để đảm bảo thi hành án.

Toàn bộ số tiền 48.600.000 đồng trên hiện Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo Quyết định số 247/QĐ - STC ngày 31/5/2019 của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng về việc xử lý số tiền tạm giữ theo đề nghị của Công an thành phố Đà Nẵng.

3.3/ Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án: 01 phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký, cấp giấy chứng nhận số 18/Liên 2 của UBND quận N và 01 giấy nhận cọc về việc chuyển nhượng nhà và đất giữa vợ chồng ông Huỳnh Bá Ng- bà Nguyễn Thị H với bà Trần Thị Như H được lập ngày 26/02/2018.

4. Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị Như H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 36.342.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án hoặc nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV- CATPĐN;
- PC 45 - CQCSĐT CA TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS – Công an Tp Đà Nẵng;
- Sở tư pháp Tp Đà Nẵng;
- Trại giam Hoà Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Thúy Năng